

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024.37100299 Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 67 ngõ 12 phố Đào Tấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.37100299

Loại thông tin công bố: Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP;
- Giải trình biến động lợi nhuận trong BCTC bán niên năm 2024 so với BCTC bán niên năm 2023.

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn <https://ntpam.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Người thực hiện CBTT**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Trung Hiếu*

Số: 75 /2024/CV-NTPAM

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận Báo cáo  
tài chính bán niên năm 2024

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 14 và Điều 22 Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP xin giải trình lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 biến động so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Nội dung	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	Mức chênh lệch	Biến động (%)
	1	2	3=1-2	4=3/2
Doanh thu	684.280.222	784.920.330	-100.640.092	-13%
Chi phí	4.299.872.235	2.316.814.054	1.983.058.181	86%
Lợi nhuận trước thuế	-3.615.592.013	-1.531.893.740	-2.083.698.273	136%
Chi phí thuế TNDN hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế	-3.615.592.013	-1.531.893.740	-2.083.698.273	136%

Tổng Doanh thu trên BCTC giảm 100 triệu đồng tương ứng giảm 13% so với cùng kỳ, trong khi đó tổng chi phí tăng 1.983 triệu đồng tương ứng tăng 86% so với cùng kỳ. Qua đó khiến mức chênh lệch lợi nhuận sau thuế âm 2.083 triệu đồng tương ứng giảm 136% so với cùng kỳ năm ngoái do Công ty tập trung đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và năng lực kinh doanh dẫn đến tỷ lệ chi phí/doanh thu cao hơn so với cùng kỳ.

Trên đây là các ý kiến giải trình của Công ty về sự biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 so với Báo cáo tài chính bán niên năm 2023.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu HCQT, TCKT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NTP**



## **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31



# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP ("Công ty"), tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tân Việt, là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2014 và các Giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>
26/GPĐC-UBCK	26/5/2020	Thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Merlin
73/GPĐC-UBCK	31/8/2021	Thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tân Việt và người đại diện theo pháp luật
93/GPĐC-UBCK	21/10/2021	Thay đổi trụ sở
121/GPĐC-UBCK	24/12/2021	Tăng vốn điều lệ
46/GPĐC-UBCK	08/06/2023	Thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP
80/GPĐC-UBCK	10/10/2023	Thay đổi người đại diện theo pháp luật và trụ sở

Tiền thân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Anpha được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 10 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà 14-16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Ngọc Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023
Ông Bạch Quốc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Quốc Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 07 năm 2021

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 08 năm 2021
Bà Lê Thị Mẫu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2024

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Lê Ngọc Đức - chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Trung Hiếu - Tổng Giám đốc được ông Lê Ngọc Đức ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Công ty, trong đó có báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 theo giấy ủy quyền số 01/2023/UQ-CTHQQT/NTPAM ngày 11 tháng 10 năm 2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đang được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Nguyễn Trung Hiếu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số tham chiếu: 11766742/E-67861334/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>34.464.877.805</b>	<b>38.255.134.913</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>8.953.031.761</b>	<b>11.297.683.977</b>
111	1. Tiền		4.941.064.638	11.297.683.977
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.011.967.123	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>25.035.000.000</b>	<b>26.318.923.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		25.035.000.000	26.318.923.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>7</b>	<b>171.364.361</b>	<b>78.064.089</b>
134	1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		154.562.685	74.312.656
135	2. Các khoản phải thu khác		16.801.676	3.751.433
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>-</b>	<b>1.762.200</b>
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>305.481.683</b>	<b>558.701.647</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	200.494.463	419.618.379
155	2. Tài sản ngắn hạn khác	9	104.987.220	139.083.268
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.557.022.283</b>	<b>2.989.088.067</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>2.424.102.243</b>	<b>2.856.168.027</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	190.298.067	226.495.269
222	- Nguyên giá		301.254.000	301.254.000
223	- Giá trị khấu hao		(110.955.933)	(74.758.731)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.233.804.176	2.629.672.758
228	- Nguyên giá		3.843.592.000	3.843.592.000
229	- Giá trị khấu hao		(1.609.787.824)	(1.213.919.242)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>132.920.040</b>	<b>132.920.040</b>
268	1. Tài sản dài hạn khác	12	132.920.040	132.920.040
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>37.021.900.088</b>	<b>41.244.222.980</b>
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>393.794.978</b>	<b>1.000.525.857</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>393.794.978</b>	<b>1.000.525.857</b>
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	93.426.150	133.109.132
315	2. Phải trả công nhân viên		-	411.605.555
316	3. Chi phí phải trả	14	176.900.000	147.183.491
319	4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	123.468.828	308.627.679
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>36.628.105.110</b>	<b>40.243.697.123</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		32.202.318	32.202.318
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		32.202.318	32.202.318
420	4. Lỗ chưa phân phối		(13.436.299.526)	(9.820.707.513)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>37.021.900.088</b>	<b>41.244.222.980</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>006</b>	<b>1. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ</b>		-	<b>500.000.000</b>
007	- Chứng khoán giao dịch		-	500.000.000
<b>030</b>	<b>2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ</b>		<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
	<b>3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>		<b>330.037.779</b>	<b>2.101.881.417</b>
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	25	330.037.779	2.101.881.417
<b>040</b>	<b>4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (theo giá trị trường)</b>		<b>30.859.120.000</b>	<b>29.542.241.700</b>
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	26	30.859.120.000	29.542.241.700
<b>050</b>	<b>5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>27</b>	<b>232.200</b>	<b>232.200</b>
<b>051</b>	<b>6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>28</b>	<b>139.975.174</b>	<b>129.848.044</b>

Bà Nguyễn Phương Linh  
Người lập

Bà Lê Thị Mẫu  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Trung Hiếu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
01	1. Doanh thu		457.753.441	565.732.708
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>17</b>	<b>457.753.441</b>	<b>565.732.708</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán</b>	<b>18</b>	<b>(1.076.148.297)</b>	<b>(1.100.670.816)</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>(618.394.856)</b>	<b>(534.938.108)</b>
<b>21</b>	<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>19</b>	<b>226.526.781</b>	<b>219.187.606</b>
<b>22</b>	<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>20</b>	<b>(2.202.937)</b>	<b>2.083.818.061</b>
<b>25</b>	<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>21</b>	<b>(3.221.521.001)</b>	<b>(3.299.961.299)</b>
<b>30</b>	<b>9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(3.615.592.013)</b>	<b>(1.531.893.740)</b>
31	10. Thu nhập khác		-	15.901
<b>40</b>	<b>11. Lợi nhuận khác</b>		-	<b>15.901</b>
<b>50</b>	<b>12. Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(3.615.592.013)</b>	<b>(1.531.877.839)</b>
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	-	-
<b>60</b>	<b>14. Lỗ sau thuế TNDN</b>		<b>(3.615.592.013)</b>	<b>(1.531.877.839)</b>
<b>70</b>	<b>15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>23</b>	<b>(723)</b>	<b>(306)</b>



Bà Nguyễn Phương Linh  
Người lập



Bà Lê Thị Mẫu  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Trung Hiếu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
01	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
02	1. Thu tiền từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.827.503.412	688.281.801
03	2. Chi tiền trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa dịch vụ		(864.497.941)	(1.200.171.778)
05	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.699.996.376)	(2.937.492.370)
06	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
07	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		253.824.544	110.176.144
07	6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(894.864.138)	(1.075.211.721)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.378.030.499)</b>	<b>(4.414.417.924)</b>
21	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
24	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(105.088.500)
27	2. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của các đơn vị khác, tiền gửi có kỳ hạn		-	2.000.000.000
30	3. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		33.378.283	221.758.893
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>33.378.283</b>	<b>2.116.670.393</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ((50=20+30))</b>		<b>(2.344.652.216)</b>	<b>(2.297.747.531)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	11.297.683.977	11.676.140.322
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ((70=50+60))	5	8.953.031.761	9.378.392.791

Bà Nguyễn Phương Linh  
Người lập

Bà Lê Thị Mẫu  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Trung Hiếu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 tại giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023	Ngày 01 tháng 01 năm 2024	Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023		Giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 30 tháng 06 năm 2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		32.202.318	32.202.318	-	-	-	-	32.202.318	32.202.318
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		32.202.318	32.202.318	-	-	-	-	32.202.318	32.202.318
4. Lỗ chưa phân phối		(10.729.771.573)	(9.820.707.513)	-	(1.531.877.839)	-	(3.615.592.013)	(12.261.649.412)	(13.436.299.526)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>39.334.633.063</b>	<b>40.243.697.123</b>	<b>-</b>	<b>(1.531.877.839)</b>	<b>-</b>	<b>(3.615.592.013)</b>	<b>37.802.755.224</b>	<b>36.628.105.110</b>



Bà Nguyễn Phương Linh  
 Người lập



Bà Lê Thị Mẫu  
 Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Trung Hiếu  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP (“Công ty”), tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tân Việt, là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 54/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2014 và các Giấy phép điều chỉnh sau:

*Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số*

<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>	
26/GPĐC-UBCK	26/05/2020	Thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Merlin
73/GPĐC-UBCK	31/08/2021	Thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tân Việt và người đại diện theo pháp luật
93/GPĐC-UBCK	21/10/2021	Thay đổi trụ sở
121/GPĐC-UBCK	24/12/2021	Tăng vốn điều lệ
46/GPĐC-UBCK	08/06/2023	Thay đổi tên gọi thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP
80/GPĐC-UBCK	10/10/2023	Thay đổi người đại diện theo pháp luật và trụ sở

Tiền thân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Anpha được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 10 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, Tòa nhà 14 - 16 Hàm Long, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 22 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 24 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo giữa niên độ này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo giữa niên độ này không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

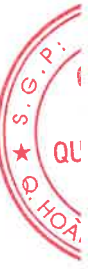
**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Các khoản đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh (“chứng khoán thương mại”).

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”). Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**4.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
--------------------	-------

**4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.9 Lợi ích của nhân viên**

**4.9.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% (kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2022, tỷ lệ này là 17,5%) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**4.9.2 Trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

**4.9.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 0% quỹ tiền lương (kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2022, tỷ lệ này là 1%), tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**4.12 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt tại quỹ	43.296.000	10.505.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.897.768.638	11.287.178.977
Các khoản tương đương tiền (*)	4.011.967.123	-
	<b>8.953.031.761</b>	<b>11.297.683.977</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Thịnh vượng và Phát Triển với lãi suất lần lượt là 1,90%/năm và 2,80%/năm tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		
Cổ phiếu niêm yết	-	1.283.923.000
Chứng chỉ quỹ	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn (a)	35.000.000	35.000.000
	<b>25.035.000.000</b>	<b>26.318.923.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
	<b>25.035.000.000</b>	<b>26.318.923.000</b>

(a) Khoản tiền gửi có kỳ hạn mười hai (12) tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với lãi suất 4,10%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5,70%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	154.562.685	74.312.656
- Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý công ty đầu tư chứng khoán	130.141.204	52.240.187
- Phải thu về hoạt động quản lý danh mục	24.421.481	22.072.469
Các khoản phải thu khác	16.801.676	3.751.433
- Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn	16.284.978	1.180.603
- Phải thu khác	516.698	2.570.830
	<b>171.364.361</b>	<b>78.064.089</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dịch vụ công nghệ thông tin	197.711.522	407.910.834
Chi phí trả trước khác	2.782.941	11.707.545
	<b>200.494.463</b>	<b>419.618.379</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tạm ứng cho nhân viên	104.987.220	139.083.268
	<b>104.987.220</b>	<b>139.083.268</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Thiết bị văn phòng</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu kỳ	301.254.000
Mua trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>301.254.000</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Số đầu kỳ	74.758.731
Khấu hao trong kỳ	<u>36.197.202</u>
Số cuối kỳ	<u>110.955.933</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu kỳ	<u>226.495.269</u>
Số cuối kỳ	<u>190.298.067</u>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Phần mềm</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	3.779.000.000	64.592.000	3.843.592.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>3.779.000.000</u>	<u>64.592.000</u>	<u>3.843.592.000</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	1.176.569.805	37.349.437	1.213.919.242
Hao mòn trong kỳ	<u>383.072.838</u>	<u>12.795.744</u>	<u>395.868.582</u>
Số cuối kỳ	<u>1.559.642.643</u>	<u>50.145.181</u>	<u>1.609.787.824</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	<u>2.602.430.195</u>	<u>27.242.563</u>	<u>2.629.672.758</u>
Số cuối kỳ	<u>2.219.357.357</u>	<u>14.446.819</u>	<u>2.233.804.176</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	112.670.040	112.670.040
Các tài sản khác	20.250.000	20.250.000
	<b>132.920.040</b>	<b>132.920.040</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>		<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>
		<i>Số phải nộp</i>	<i>Số đã nộp</i>	
Thuế thu nhập cá nhân	123.116.675	306.810.056	(346.493.038)	83.433.693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.992.457	-	-	9.992.457
	<b>133.109.132</b>	<b>306.810.056</b>	<b>(346.493.038)</b>	<b>93.426.150</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	176.000.000	132.000.000
Các chi phí phải trả khác	900.000	15.183.491
	<b>176.900.000</b>	<b>147.183.491</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả bảo hiểm xã hội	48.479.783	34.311.794
Phải trả người bán	74.989.045	271.282.909
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.032.976
	<b>123.468.828</b>	<b>308.627.679</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Ông Nguyễn Quốc Toàn	32.500.000.000	65%	32.500.000.000	65%
Ông Bạch Quốc Vinh	15.000.000.000	30%	15.000.000.000	30%
Ông Tạ Văn Mạnh	2.500.000.000	5%	2.500.000.000	5%
	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông	5.000.000	5.000.000
- Số cổ phần phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Số cổ phần phổ thông	5.000.000	5.000.000

**17. DOANH THU THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Doanh thu từ quản lý danh mục đầu tư	49.378.778	52.642.976
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	408.374.663	513.089.732
	<b>457.753.441</b>	<b>565.732.708</b>

**18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023
Chi phí nhân viên	870.499.480	1.021.746.247
Chi phí khấu hao	8.666.666	-
Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	196.982.151	78.924.569
	<b>1.076.148.297</b>	<b>1.100.670.816</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào công cụ nợ	60.449.781	215.339.606
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	166.077.000	-
Lãi từ cổ tức	-	3.848.000
	<b>226.526.781</b>	<b>219.187.606</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	44.581.202
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(2.128.489.002)
Phí giao dịch chứng khoán	2.202.937	89.739
	<b>2.202.937</b>	<b>(2.083.818.061)</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Chi phí lương, thưởng	2.016.503.723	1.989.742.898
Chi phí thuê văn phòng	225.340.080	588.746.604
Chi phí khấu hao	423.399.118	411.048.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.865.805	107.022.028
Chi phí công cụ dụng cụ	317.759.759	99.180.664
Chi phí hoạt động nghiệp vụ	13.775.333	4.616.000
Chi phí khác	90.877.183	99.605.021
	<b>3.221.521.001</b>	<b>3.299.961.299</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

**22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty trong năm 2024 là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (Năm 2023: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(3.615.592.013)</b>	<b>(1.531.877.839)</b>
Các khoản điều chỉnh giảm lỗ theo kế toán	18.779.584	4.200.599
- Chi phí không được khấu trừ	18.779.584	4.200.599
<b>Lỗ tính thuế</b>	<b>(3.596.812.429)</b>	<b>(1.527.677.240)</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**22.2 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ trong năm	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ
					tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
2022	2027	11.455.629.398	-	-	11.455.629.398
2023	2028	-	(921.047.649)	-	(921.047.649)
2024	2029	3.596.812.429	-	-	3.596.812.429
		<b>15.052.441.827</b>	<b>(921.047.649)</b>	<b>-</b>	<b>14.131.394.178</b>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ giá trị 14.131.394.178 VND do không ước tính được chắc chắn thuế thu nhập trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Lỗ thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty	(3.615.592.013)	(1.531.877.839)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ ( <i>cổ phiếu</i> )	5.000.000	5.000.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )	(723)	(306)

**24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - ▶ kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
  - ▶ có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
  - ▶ có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

<u><i>Bên liên quan</i></u>	<u><i>Mối quan hệ</i></u>
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Bên liên quan của thành viên Ban Điều hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023</i>
Ban điều hành Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP	Ban điều hành Quỹ được quản lý	Lương thường Doanh thu phí quản lý quỹ mở Doanh thu phí mua lại quỹ mở	530.328.000 303.560.655 14.060.689	1.180.266.500 700.043.326 134.258.021
Quỹ Đầu tư tăng trưởng NTP	Quỹ được quản lý	Doanh thu phí quản lý quỹ thành viên	45.364.780	-
Quỹ Đầu tư giá trị NTP	Quỹ được quản lý	Doanh thu phí quản lý quỹ thành viên	45.388.539	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ NTP là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	3.050.000.000

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, số dư khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng NTP	Quỹ được quản lý	Chứng chỉ quỹ	25.000.000.000	25.000.000.000
		Phải thu phí quản lý Quỹ	50.023.161	50.175.977
		Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	2.865.253	2.064.210
Quỹ Đầu tư tăng trưởng NTP	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ	38.614.672	-
Quỹ Đầu tư giá trị NTP	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý Quỹ	38.638.118	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	2.101.881.417	9.322.155.876
Tăng trong kỳ	42.597.524.748	23.716.056.721
Giảm trong kỳ	(44.369.368.386)	(30.936.331.180)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>330.037.779</b>	<b>2.101.881.417</b>
Trong đó:		
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư cá nhân 1</b>		
Số đầu kỳ	1.932.240.072	6.122.727.439
Tăng trong kỳ	11.478.981.317	8.025.059.795
Giảm trong kỳ	(13.248.132.138)	(12.215.547.162)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>163.089.251</b>	<b>1.932.240.072</b>
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư cá nhân 2</b>		
Số đầu kỳ	52.016.123	-
Tăng trong kỳ	461.547.771	500.026.087
Giảm trong kỳ	(503.201.912)	(448.009.964)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.361.982</b>	<b>52.016.123</b>
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư cá nhân 3</b>		
Số đầu kỳ	-	3.199.428.437
Tăng trong kỳ	-	3.120.766.439
Giảm trong kỳ	-	(6.320.194.876)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư cá nhân 4</b>		
Số đầu kỳ	117.625.222	-
Tăng trong kỳ	30.656.995.660	12.070.204.400
Giảm trong kỳ	(30.618.034.336)	(11.952.579.178)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>156.586.546</b>	<b>117.625.222</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
<b>Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch</b>	<b>30.859.120.000</b>	<b>29.542.241.700</b>
Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:		
ACB	6.979.350.000	-
CTG	7.316.000.000	-
HCM	7.886.200.000	-
HPG	4.794.020.000	-
MBB	2.220.000.000	-
SSI	1.663.550.000	-
C4G	-	1.286.298.000
NLG	-	1.356.050.000
GEG	-	539.700
	<b>30.859.120.000</b>	<b>29.542.241.700</b>

**27. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải thu khác	232.200	232.200
	<b>232.200</b>	<b>232.200</b>

**28. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Phải trả phí quản lý danh mục	24.421.459	22.072.447
Phải trả phí lưu ký	642.441	602.423
Phải trả phí khác	114.911.274	107.173.174
	<b>139.975.174</b>	<b>129.848.044</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**29.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 vì các khoản tiền gửi, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**29.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của Công ty.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam, đầu tư vào các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các doanh nghiệp uy tín trên thị trường phát hành. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng, trái phiếu và chứng chỉ tiền được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**29.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29.3 Rủi ro thanh khoản** (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.953.031.761	-	8.953.031.761
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	25.035.000.000	-	25.035.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	171.364.361	-	171.364.361
Tài sản ngắn hạn khác	305.481.683	-	305.481.683
Tài sản dài hạn khác	-	132.920.040	132.920.040
	<b>34.464.877.805</b>	<b>132.920.040</b>	<b>34.597.797.845</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	93.426.150	-	93.426.150
Chi phí phải trả	176.900.000	-	176.900.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	123.468.828	-	123.468.828
	<b>393.794.978</b>	<b>-</b>	<b>393.794.978</b>
	<i>Dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>			
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.297.683.977	-	11.297.683.977
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	26.318.923.000	-	26.318.923.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	78.064.089	-	78.064.089
Tài sản ngắn hạn khác	558.701.647	-	558.701.647
Tài sản dài hạn khác	-	132.920.040	132.920.040
	<b>38.253.372.713</b>	<b>132.920.040</b>	<b>38.386.292.753</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	133.109.132	-	133.109.132
Chi phí phải trả	147.183.491	-	147.183.491
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	308.627.679	-	308.627.679
	<b>588.920.302</b>	<b>-</b>	<b>588.920.302</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.953.031.761	11.297.683.977	8.953.031.761	11.297.683.977
Cổ phiếu niêm yết	-	1.283.923.000	-	1.370.000.000
Chứng chỉ quỹ	25.000.000.000	25.000.000.000	25.802.400.000	25.094.925.000
Tiền gửi có kỳ hạn	35.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000
Tài sản khác	304.284.401	210.984.129	304.284.401	210.984.129
	<b>34.292.316.162</b>	<b>37.827.591.106</b>	<b>35.094.716.162</b>	<b>38.008.593.106</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	473.214.168	450.680.160
- Từ 2 đến 5 năm	247.874.088	495.748.176
	<b>721.088.256</b>	<b>946.428.336</b>

**32. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ**

	<i>Giá trị</i>
<b>Hoạt động quản lý quỹ</b>	
Tổng số quỹ hoạt động quản lý	3
Tổng số vốn của các quỹ đang thực hiện quản lý	133.263.451.500
Số lượng quỹ lập trong kỳ	2
Số lượng quỹ đóng trong kỳ	-
Phí quản lý quỹ trong kỳ (1)	394.313.974
Phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở (2)	14.060.689
<b>Hoạt động quản lý danh mục đầu tư</b>	
Tổng số hợp đồng còn hiệu lực đầu kỳ	3
Số hợp đồng ký trong kỳ	-
Số hợp đồng thanh lý trong kỳ	-
Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện	3
Phí quản lý danh mục đầu tư và phí thưởng (3)	49.378.778
<b>Tổng phí quản lý thu được từ hoạt động quản lý (1)+(2)+(3)</b>	<b>457.753.441</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CỦA CÔNG TY**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ngày 30 tháng 06 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	6,91	7,25
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	93,09	92,75
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Nợ phải trả/Tổng tài sản)	%	1,06	2,43
Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	Lần	87,52	38,23
Khả năng thanh toán nhanh (Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	87,52	38,23
Khả năng thanh toán bằng tiền (Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn)	Lần	22,74	11,29
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	-528,38	11,41
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)	%	-9,77	2,20
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)	%	-9,87	2,26

**34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Bà Nguyễn Phương Linh  
 Người lập



Bà Lê Thị Mẫu  
 Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Trung Hiếu  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)